TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/KDTM-ST
Ngày: 26/4/2022
V/v "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Ông Lê Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận T – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/TLST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2021về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST – KDTM ngày 29/3/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST- KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Cơ Điện – Điện tử V;

Địa chỉ: 83/24 đường B, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Q, sinh năm 1980;

(Đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 01/11/2021)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư M – Công ty Luật TNHH L – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật Công nghệ P;

Địa chỉ: : 29 đường Đ, phường A, quận K, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M1, sinh năm 1985;

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án thì Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần Q trình bày:

Ngày 29/08/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật Công nghệ P (từ đây gọi tắt là Công ty P) ký Hợp đồng mua bán số 12/2019-VL/HĐMB-KD với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Cơ Điện – Điện tử L (từ đây gọi tắt là Công ty L) để mua thiết bị của Công ty L là 130 Tấm pin mặt trời, đơn giá 2.890.000 thành tiền: 375.700.000 *(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng*) và Solar Inverter – SMA/Đức Công suất 25kW model: STP25000TL, số lượng 2 cái, thành tiền: 156.400.000đ *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Tổng giá trị các thiết bị trên bao gồm VAT, là 585.310.000đ *(Bằng chữ: Năm trăm tám mươi lăm triệu ba trăm mười nghìn đồng)*.

Sau khi ký hợp đồng vào ngày 04/09/2019 Công ty L giao Phiếu giao hàng BHA/09/2019/0005 (ông M ký nhận).

Vào ngày 05/09/2019, Công ty L chuyển tiền cho công ty P mượn 400.000.000đ *(Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng)* theo giấy báo nợ tại Ngân hàng VietinBank.

Ngày 26/09/2019, Công ty L giao Phiếu giao hàng BHA/09/2019/0059 và Biên nhận gửi Chành Tô Châu, số lượng: 7 cái Solar Inverter (SMA STP25000TL: 1 cái, SOLIS 5kW: 6 cái), thành tiền: 172.400.000đ (chưa bao gồm VAT).

Tháng 01/2020, hai bên lập bảng kê đối chiếu công nợ tính đến ngày 13/01/2021, xác nhận Công ty P còn nợ Công ty L số tiền 1.579.970.000đ *(Bằng chữ: Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).*

Đến ngày 18/01/2020, đại diện theo pháp luật của Công ty P ký giấy xác nhận cam kết thanh toán công nợ, thừa nhận số tiền đang thiếu Công ty L là 1.579.970.000 *(Một tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng.*

Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán công nợ nhưng Công ty P không thanh toán như đã cam kết nên vào ngày 15/03/2020 hai bên lập Biên bản thu hồi vật tư hàng hóa gồm 33 tấm pin mặt trời của Công ty P và cùng ngày ông Trần Văn M2 – đại diện theo pháp luật của Công ty P ký giấy cam kết sẽ thanh toán nợ 2 đợt cụ thể ngày 15/03/2020 sẽ trả 33 tấm pin và ngày 20/03/2020 sẽ trả

500.000.000đ *(Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng)* cho Công ty L nhưng vẫn không trả nợ như đã cam kết.

Do đó, nguyên đơn Công ty L khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu là 1.392.202.000đ *(Bằng chữ: Một tỷ ba trăm chín mươi hai triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng)* và lãi phát sinh chậm thanh toán kể từ ngày 15/10/2020 tạm tính đến ngày 14/10/2021 là 1.392.202.000 x 12 tháng) x 12%/năm = 167.064.240đ *(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bảy triệu sáu mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi đồng*). Tổng số tiền 1.392.202.000đ + 167.064.240 = 1.559.266.240 đồng, yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, Công ty TNHH P do ông Trần Văn M2 đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 26/4/2022 là 1.607.413.811 đồng (trong đó tiền nợ là 1.392.370.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 215.043.811 đồng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn thiếu và yêu cầu thanh toán ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Xét, Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L yêu cầu Công ty TNHH P thanh toán tiền mua hàng còn thiếu. Hội đồng xét xử xét

thấy đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại về hợp đồng xây dựng (thanh toán tiền mua hàng còn thiếu) theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Xét, theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn lựa chọn Tòa án có thẩm quyền là nơi thực hiện hợp đồng là quận T và là nơi nguyên đơn có trụ sở theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L khởi kiện Công ty TNHH P tại Tòa án nhân dân quận T là phù hợp quy định của pháp luật.

[1.3] Về tư cách tố tụng:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L, bị đơn Công ty TNHH P.

Xét Giấy ủy quyền ngày 01/11/2021 của Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L là ủy quyền hợp lệ nên ông Trần Quang có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn – Công ty TNHH P do ông Trần Văn M2 đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 12/2019-VL/HĐMB-KD ngày 29/08/2019, biên bản giao nhận, biên nhận gửi Chành Tô Châu (đơn vị vận chuyển hàng hóa), phiếu chuyển tiền, biên bản đối chiếu công nợ và văn bản cam kết thanh toán giữa Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L và Công ty TNHH P về việc mua bán hàng hóa là các sản phẩm gồm pin mặt trời và Solar Inverter – SMA/Đức Công suất 25kW model: STP25000TL thì có cơ sở xác nhận giữa nguyên đơn Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L và bị đơn Công ty TNHH P có thực hiện việc mua bán - giao nhận hàng hóa nhiều lần, nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện việc thanh toán công nợ còn thiếu.

Hội đồng xét xử nhận định, giữa Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L và Công ty TNHH P đã lập biên bản đối chiếu công nợ và đại diện theo pháp luật của bị đơn cũng đã có văn bản cam kết thực hiện việc thanh toán công nợ cho nguyên đơn nghĩa là bị đơn thừa nhận nợ theo biên bản đối chiếu công nợ nhưng lại không thực hiện việc thanh toán theo nội dung đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ còn thiếu 1.579.970.000 đồng căn cứ theo quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại 2005; Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 là có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ theo điểm B Điều 2 của Hợp đồng mua bán số 12/2019-VL/HĐMB-KD ngày 29/8/2019 có quy định về phương thức giao nhận và thanh toán có thỏa thuận việc bên A - Công ty TNHH P phải thanh toán tiền lãi cho

bên B - Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L nếu chậm thanh toán. Về thời hạn tính lãi, nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 17/10/2020 và lãi suất chậm thanh toán tính (10%/năm) đến ngày ngày xét xử sơ thẩm là 215.043.811 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi là 1.392.370.000 đồng + 215.043.811 đồng = 1.607.431.811 (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn tám trăm mười một) đồng.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Xét, bị đơn Công ty TNHH P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L yêu cầu Công ty TNHH P thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên là phù hợp, nên được chấp nhận.

[2.4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH P phải chịu án phí. Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại 2005;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L.

Buộc bị đơn Công ty TNHH P thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L tiền còn thiếu là 1.607.431.811 (Một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn tám trăm mười một) đồng đồng (trong đó nợ gốc là 1.392.370.000 đồng và nợ lãi do chậm thanh toán là 215.043.811 đồng)

Thời hạn và phương thức thanh toán: thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH P chậm thanh toán thì Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L có quyền yêu cầu Công ty TNHH P trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH P phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 66.222.954 (Sáu mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm năm mươi bốn) đồng.

Hoàn lại Công ty TNHH Cơ điện – Điện tử L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 29.391.810 (Hai mươi chín triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm mười) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0030535 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lan Ngọc